

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ DỊCH VỤ SUN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ DỊCH VỤ SUN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUN INTERNATIONAL TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110122297

**3. Ngày thành lập:** 19/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô E6-DG03, Thị Trấn Quốc Oai, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0822282868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                           | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                       | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                         | 4633     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                | 8299     |
| 5.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)                                                                                                   | 4690     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                     | 4711     |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>+Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>+Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)<br>(Trừ đấu giá) | 4719     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4721     |
| 9.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4723     |
| 10. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                            | 1071     |
| 11. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                      | 1073     |

|     |                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                     | 1075        |
| 13. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                   | 1104        |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                          | 4781        |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>( Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;) | 4789        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( Trừ đấu giá)                                                                                                 | 4791        |
| 17. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>( Trừ đấu giá)                                                                                                            | 4799        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                 | 5510        |
| 19. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                        | 5590        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                          | 5610(Chính) |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                  | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                      | 5629        |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                                          | 5630        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TẠ ĐỨC<br>MINH  | Xóm 4, Thôn<br>Phúc Đức, Xã Sài<br>Sơn, Huyện Quốc<br>Oai, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.500         | 1.500.000.000            | 50,000       | 0010880449<br>94                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Tổng số                            | 1.500         | 1.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>THU | Xóm 9, Xã Xuân<br>Vinh, Huyện<br>Xuân Trường,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 750           | 750.000.000              | 25,000       | 0361890050<br>67                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          | Tổng số                            | 750           | 750.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                 |                           |     |             |        |              |  |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG | Xóm 15, Xã Xuân Hòa, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 750 | 750.000.000 | 25,000 | 036300011896 |  |
|   |                      |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0   | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                      |                                                                 | Tổng số                   | 750 | 750.000.000 | 25,000 |              |  |
|   |                      |                                                                 |                           |     |             |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ ĐỨC MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088044994

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 4, Thôn Phúc Đức, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 4, Thôn Phúc Đức, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội